

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HS-ST

Ngày: 12/7/2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN THÀNH PHỐ SƠN LA- TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Hặc

2. Ông Trần Quốc Bình

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Anh Tú, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Bùi Tiến Bình, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 111/2017/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Quàng Văn A; Tên gọi khác: không; Sinh 19/8/1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản K, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; Chỗ ở hiện nay: bản K, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Quàng Văn K (*Đã chết*); con bà Quàng Thị U, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến nay, có mặt.

Những người bị hại:

1. Chị Hoàng Thị D, trú tại tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

2. Chị Ngân Thị Mỹ H, trú tại bản C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

3. Chị Hoàng Thị T, trú tại tổ 4, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

4. Chị Tòng Thị V, trú tại bản G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

5. Chị Lò Thị Thúy N, trú tại tổ 2, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

Người có quyền lợi liên quan: Anh Đỗ Đăng Ch, trú tại tổ 11, phường CL thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt (*có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 09/9/2016, Quàng Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26F4-7492 của mình đi qua đường 3-2 thuộc phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, thì thấy 01 chiếc xe mô tô của chị Hoàng Thị D, trú tại tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La dựng ven đường móc treo phía trước có treo 01 chiếc túi xách màu hồng. Quan sát xung quanh không có ai, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A đến gần lấy chiếc túi trên rồi đi về nhà. Về đến nhà A kiểm tra túi thấy có 1.000.000^d (*Một triệu đồng*), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W màu trắng có ốp kèm theo, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe và 01 biển tên đều mang tên Hoàng Thị D. Số tiền 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) A đã chi tiêu hết, chiếc túi xách và biển tên Hoàng Thị D, A vứt xuống suối Nậm La, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W màu trắng có ốp kèm theo, A bán cho một người không quen biết gần chợ Giảng Lắc với giá 600.000^d (*Sáu trăm ngàn đồng*). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã thu giữ của Quàng Văn A 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hoàng Thị D.

Tại Kết luận ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân (*Viết tắt UBND*) thành phố S xác định: 01 chiếc túi màu hồng có giá 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W màu trắng có ốp kèm theo có trị giá 1.620.000^d (*một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*). Tổng giá trị tài sản Quàng Văn A trộm cắp của chị Hoàng Thị D là 2.670.000^d (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*), chị D đã được trả 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe, đối với 01 chiếc túi màu hồng A vứt xuống suối không xác định được vị trí chính xác, nên không có cơ sở truy tìm, đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W màu trắng có ốp kèm theo A đã bán cho một người không biết tên tuổi và địa chỉ nên không truy thu được. Bị hại Hoàng Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 4.500.000^d (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

Vụ thứ hai: Ngày 26/3/2017, Quàng Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26F4-7492 của mình đi qua khu vực sân vận động thuộc tổ 3, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, phát hiện chị Ngân Thị Mỹ H trú tại bản C, phường Ch, thành phố S dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision màu đỏ trước cửa nhà nghỉ Phương nam, thấy dưới hộc tay lái có để 02 chiếc điện thoại di động. Khi chị Hạnh đi vào nhà nghỉ, A lại gần và thò tay vào hộc tay lái lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng rồi điều khiển xe máy về nhà. Trên đường về A gặp

chị gái là Quàng Thị L ở bản M, phường C, A đưa chị L cầm hộ chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng. Ngày 28/3/2017 A bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng cho anh Đỗ Đăng Ch trú tại tổ 11, phường C được 700.000^d (Bảy trăm ngàn đồng).

Ngày 05/4/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO FIND5 R827 màu trắng có trị giá 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng), chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng có trị giá 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), tổng trị giá tài sản Lả trộm cắp của chị H là 6.100.000^d (Sáu triệu một trăm ngàn đồng).

Ngày 11/5/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả chị H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO FIND5 R827 màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng. Chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Đỗ Đăng Ch yêu cầu bị cáo bồi thường 700.000^d (Bảy trăm ngàn đồng).

Ngoài hai vụ trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo còn khai xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 3 năm 2017, bị cáo còn thực hiện ba hành vi trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố S, cụ thể là:

Lần thứ nhất: Vào buổi trưa một ngày trong tháng 12/2016 (không nhớ ngày), A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26F4-7492 của mình đi qua khu vực Hồ Sanh thuộc tổ 3 phường Tô Hiệu thì thấy 01 chiếc xe máy màu đỏ nhãn hiệu VISION của chị Lò Thị Thúy Ng, trú tại tổ 2, phường C, thành phố S dựng trên vỉa hè, trong hộc xe phía trước có để 01 chiếc ví nữ hình vuông màu đen, thấy xung quanh không có ai, A dựng xe tiến đến gần thò tay lấy chiếc ví rồi trở ra xe của mình đi về nhà. Về đến nhà, A mở ví ra thấy bên trong có 400.000^d (Bốn trăm ngàn đồng), 01 đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe máy, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lò Thị Thúy Ng, số tiền 400.000^d (Bốn trăm ngàn đồng) A đã tiêu xài hết. Ngày 27/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Ng 01 chiếc ví nữ hình vuông màu đen, 01 đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Lò Thị Thúy Ng, riêng 01 giấy phép lái xe A đã làm rơi mất không có cơ sở truy tìm.

Ngày 24/5/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S định giá chiếc 01 chiếc ví nữ hình vuông màu đen có giá 15.000^d (Mười lăm ngàn đồng). Tổng trị giá tài sản A trộm cắp của chị Ng là 415.000^d (Bốn trăm mười lăm ngàn đồng). Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng, chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A, bị hại Lò Thị Thúy Ng đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Lần thứ hai:

Ngày 26/02/2017, A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26F4-7492 của mình qua khu vực đường Lê Thái Tông thuộc tổ 2, phường C, thì thấy 01 chiếc xe mô tô của chị Hoàng Thị T trú tại tổ 4, phường TH dựng trên vỉa hè có treo 01 chiếc ví bằng thổ cẩm ở tay gương trước đầu xe. Quan sát xung quanh không có ai, A đi xe đến dùng tay lấy chiếc ví ra khỏi tay gương rồi đi về nhà. Khi về nhà, A kiểm tra ví bên trong có 50.000^d (Năm mươi ngàn đồng), 01 thẻ BIDV mang tên Hoang Thi T, A tiêu hết 50.000^d (Năm mươi ngàn đồng) rồi rút ví đi,

còn thẻ BIDV A giữ lại trong người. Ngày 24/5/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S định giá chiếc 01 chiếc ví thỏ cầm có giá 15.000^d (*Mười năm ngàn đồng*). Tổng trị giá tài sản A trộm cắp của chị T là 65.000^d (*Sáu mươi năm ngàn đồng*). Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng, chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A, bị hại Hoàng Thị T không yêu cầu nhận lại 01 thẻ BIDV mang tên Hoàng Thị T vì không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Lần thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 30/3/2017, A đi xe máy của mình biên kiểm soát 26F4-7492 xung quanh khu vực thành phố với mục đích ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực Karaoke Nice club thuộc tổ 5, phường Q, A phát hiện trên xe chị Tòng Thị V là nhân viên Bưu điện dừng xe giao hàng trước cửa quán chè Bốn mùa để mang bưu phẩm cho khách hàng, A đến gần xe chị V thò tay lấy 01 túi vải màu đỏ để giữa xe máy, rồi đi đến khu vực Cầu trắng kiểm tra thấy bên trong túi có nhiều bưu phẩm, A xé phong bì thư lấy ra 01 đăng ký xe máy mang tên Lê Trịnh L cùng với vỏ ốp điện thoại, số còn lại A vút xuống suối khi qua Cầu Trắng. Ngày 31/3/2017, A ra quán anh Đỗ Đăng Ch bán vỏ ốp điện thoại thì bị Công an bắt giữ. Ngày 05/4/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S định giá: 01 chiếc vỏ ốp điện thoại màu vàng có chữ A5 2016 và 01 vỏ ốp điện thoại màu đen có chữ JH02 IP6 PLUS, 01 thẻ nhớ điện thoại có giá 650.000^d (*Sáu trăm năm mươi ngàn đồng*). Tổng trị giá tài sản Lã trộm cắp của chị V là 650.000^d (*Sáu trăm năm mươi ngàn đồng*). Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới hai triệu đồng, chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A, bị hại Tòng Thị V đã được nhận lại tài sản 02 vỏ ốp điện thoại và 01 đăng ký xe máy mang tên Lê Trịnh L, yêu cầu bị cáo bồi thường 1.629.000^d (*Một triệu sáu trăm hai chín ngàn đồng*) là tiền cước chuyển phát bưu phẩm chị V đã phải bỏ ra bồi thường cho khách hàng.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố S đã chuyển số vật chứng gồm 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA biên kiểm soát 26F4-7492 đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội; 01 thẻ BIDV mang tên Hoàng Thị T; 01 vỏ ốp nhựa mềm màu vàng, 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 vỏ ốp nhựa cứng màu trắng; 01 vỏ ốp nhựa màu trắng hồng; 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng vàng; 01 điện thoại di động Smart màu trắng bị vỡ màn hình; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng bị hỏng màn hình; 01 chùm chìa khóa có 02 USB; 01 thẻ điều trị mathadone mang tên Quàng Văn A để giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị Thúy Ng, chị Ngân Thị Thúy H, chị Hoàng Thị T không yêu cầu bồi thường; Chị Tòng Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 1.629.000^d (*Một triệu sáu trăm hai chín ngàn đồng*). Chị Hoàng Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 4.500.000^d (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*). Người liên quan anh Đỗ Đăng Ch yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 700.000^d (*Bảy trăm ngàn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 67/ KSĐT ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Quàng Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quàng Văn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Quàng Văn A về tội Trộm cắp tài sản đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn A từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Chấp nhận cơ quan điều tra Công an thành phố S đã trả cho chị Hoàng Thị D 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hoàng Thị D; trả chị Lò Thị Thúy Ng 01 chiếc ví nữ hình vuông màu đen, 01 đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Lò Thị Thúy Ng; trả chị Ngân Thị Mỹ H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO FIND5 R827 màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng; trả chị Tòng Thị V 02 vỏ ốp điện thoại và 01 đăng ký xe máy mang tên Lê Trinh L, là phù hợp với quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho chị Hoàng Thị D 2.670.000^d (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*); bồi thường cho chị Tòng Thị V 1.629.000^d (*Một triệu sáu trăm hai chín ngàn đồng*); Bồi thường cho anh Đỗ Đăng Ch 700.000^d (*Bảy trăm ngàn đồng*).

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự, do bị cáo là người lao động tự do, thu nhập thấp, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA biển kiểm soát 26F4-7492 đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội; Tiêu hủy 01 thẻ BIDV mang tên Hoang Thị T và tiêu hủy toàn bộ vật chứng thu giữ của bị cáo gồm 01 vỏ ốp nhựa mềm màu vàng, 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 vỏ ốp nhựa cứng màu trắng; 01 vỏ ốp nhựa màu trắng hồng; 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng vàng; 01 điện thoại di động Smart màu trắng bị vỡ màn hình; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng bị hỏng màn hình; 01 chùm chìa khóa có 02 USB; 01 thẻ điều trị methadone mang tên Quàng Văn A do không còn giá trị sử dụng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Quàng Văn A nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, bị cáo nhất trí không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017, tại địa bàn thành phố S, Quàng Văn A đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người khác đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác, để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đối với hai vụ án trước, bị cáo chiếm đoạt là 8.770.000^d (*Tám triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*), đối với ba lần chiếm đoạt sau, tuy trị giá mỗi lần chiếm đoạt dưới hai triệu đồng, chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự song cũng thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Tổng số tài sản bị cáo chiếm đoạt trong năm lần có trị giá **9.900.000^d (*Chín triệu chín trăm ngàn đồng*)**.

Hành vi nêu trên của Quàng Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng".

Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, với trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là tương đối lớn, mục đích chiếm đoạt là để bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ.

Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, đã 01 lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản (*đã được xóa án*), nay tiếp tục phạm tội do cố ý, liên tục và nhiều lần. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng lười lao động, thích hưởng thụ, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện. Bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48

Bộ luật Hình sự. Cần áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để lên mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội.

Bị cáo đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự. Song, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, là người nghiện ma túy, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Chấp nhận việc chị Ngân Thị Mỹ H, chị Lò Thị Thúy Ng, chị Hoàng Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Chấp nhận cơ quan điều tra Công an thành phố S đã trả cho chị Hoàng Thị D 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hoàng Thị D; trả chị Lò Thị Thúy Ng 01 chiếc ví nữ hình vuông màu đen, 01 đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Lò Thị Thúy Ng; trả chị Ngân Thị Mỹ H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO FIND5 R827 màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu trắng; trả chị Tòng Thị V 02 vỏ ốp điện thoại và 01 đăng ký xe máy mang tên Lê Trịnh L; Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị D 2.670.000^d (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*) theo kết quả định giá tài sản; bồi thường cho chị Tòng Thị V 1.629.000^d (*Một triệu sáu trăm hai chín ngàn đồng*); bồi thường cho anh Đỗ Đăng Ch 700.000^d (*Bảy trăm ngàn đồng*) là phù hợp với Điều 42 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[5]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA biển kiểm soát 26F4-7492 đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội; Tiêu hủy 01 thẻ BIDV mang tên Hoang Thi T do không có giá trị sử dụng; Trả bị cáo 01 vỏ ốp nhựa mềm màu vàng, 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 vỏ ốp nhựa cứng màu trắng; 01 vỏ ốp nhựa màu trắng hồng; 01 vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng vàng; 01 điện thoại di động Smart màu trắng bị vỡ màn hình; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen trắng bị hỏng màn hình; 01 chùm chìa khóa có 02 USB; 01 thẻ điều trị methadone mang tên Quàng Văn A do không liên quan trong vụ án.

[6]. Về án phí: Bị cáo Quàng Văn A phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Quàng Văn A phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Quàng Văn A 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (*ngày 01/4/2017*).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Quàng Văn A phải bồi thường thiệt hại như sau:

+ Bồi thường cho chị Hoàng Thị D, trú tại tổ 13, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La 2.670.000^d (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*);

+ Bồi thường cho chị Tòng Thị V, trú tại bản G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La 1.629.000^d (*Một triệu sáu trăm hai chín ngàn đồng*);

+ Bồi thường cho anh Đỗ Đăng Ch, trú tại 11, phường CL thành phố S, tỉnh Sơn La 700.000^d (*Bảy trăm ngàn đồng*).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc xe máy, phần vỏ ốp sườn có chữ “SUPER SUGAR”, bửng máy bên phải có chữ “Lisohaka” biển kiểm soát 26F4-7492, số máy 000106949, số khung 000106949, không có gương bên phải, không có chìa khóa, xe đã qua sử dụng cũ là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội;

+ Tiêu hủy 01 thẻ BIDV, số thẻ 9704180067505370 mang tên Hoang Thi T đã qua sử dụng;

+ Trả bị cáo 01 chiếc vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng, trên bề mặt có vẽ hình con công đã qua sử dụng; 01 chiếc vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng trên bề mặt có vẽ ông sao, mặt trắng đính đá màu trắng vàng đã qua sử dụng; 01 chiếc vỏ ốp nhựa cứng màu trắng trên bề mặt có nhiều hình ông sao đính đá màu trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc vỏ ốp nhựa màu trắng hồng trên bề mặt có đính nhũ màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc vỏ ốp nhựa mềm màu trắng vàng trên bề mặt có đính nhũ màu vàng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng model X9009 qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động Smart màu trắng bị vỡ màn hình, số Imei 860360020501539 qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sodaz, vỏ mặt trước màu đen vỏ sau màu vàng, màn hình bị rạn vỡ không có pin, số Imei 1: 862123010254834 qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại Nokia model 2780C loại máy đen trắng, chày hồng màn hình, không có vỏ màn hình đã qua sử dụng; 01 chiếc móc treo chùm chìa khóa màu vàng; 01 chiếc USB 2.0 màu trắng hồng qua sử dụng; 01 chiếc USB lọc thẻ nhớ màu trắng qua sử dụng; 01 thẻ điều trị methadone mã số 0220010388 mang tên Quàng Văn A do không liên quan trong vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án: Buộc bị cáo Quàng Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 250.000^d (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm là 450.000^d (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Quàng Văn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại chị Ngân Thị Mỹ H, chị Hoàng Thị T, chị Lò Thị Thúy Ng, chị Tòng Thị V, chị Hoàng Thị D, người liên quan anh Đỗ Đăng Ch (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát TP;
- CA thành phố;
- Trại giam;
- Bị cáo; BH, NLQ;
- THADS thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Hương

